

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HS-ST.
Ngày 18/8/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Ông Phạm Văn Ngải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2026/TLST-HS, ngày 20 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 8 năm 2026 đối với:

Bị cáo Lê Công T, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1993, nơi sinh tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: Ấp S (nay là ấp B), xã C, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công G, sinh năm 1964 và bà Tống Thị P, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con; anh, chị, em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án: Có 01 tiền án. Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 14/2022/HS-PT, ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Lê Công T 03 năm tù về tội Đánh bạc. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 08/11/2023, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Có 01 tiền sự. Tại Quyết định số: 0014476/QĐ-XPHC, ngày 05/12/2025 của Công an xã C, tỉnh Vĩnh Long xử phạt Lê Công T nộp phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (bị cáo chưa nộp phạt).

Nhân thân: Xấu, có 02 án tích:

- Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HS-ST, ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Lê Công T 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 04/10/2018.

- Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST, ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Lê Công T 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bản án có áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 11/8/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 03/4/2026 đến ngày 06/4/2026 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Công T: Luật sư Trần Anh T1 - Văn phòng Luật sư Phạm Minh L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V. Địa chỉ: Ấp E, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Hồng T4, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lê Văn T2, sinh năm 1957. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Chị Lê Thị X, sinh năm 1983. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng: Bà Lê Thị T3, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Một túi xách màu xanh đen, loại có quai cầm, kích thước 25cm x 19cm, đã qua sử dụng; một bao thuốc lá, nhãn hiệu Cửu long, kích thước 06cm x 09cm, bên trong chứa 19 điếu thuốc lá; một túi nilon kích thước 15cm x 18cm, bên trong chứa thuốc lá, trên túi nilon có dòng chữ số 5D MASK, đã qua sử dụng và một bậc lửa bằng nhựa màu xanh, kích thước 02cm x 05cm, trên bậc lửa có dòng chữ TANAKA LONG HOA CO, LTD, đã qua sử dụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02 tháng 4 năm 2026, bị cáo Lê Công T sau khi uống rượu, bia đi bộ về nhà ngụ ấp S (nay là ấp B), xã C, tỉnh Vĩnh Long gặp cha ruột là ông Lê Công G và xin ông G một gói thuốc lá nhãn hiệu Cửu Long, sau đó bị cáo đi bộ một mình về hướng nhà bà Nguyễn Hồng T4 cách nhà bị cáo khoảng 100 mét, khi đến nhà bà T4, nhìn thấy bà T4 đang ngồi nói chuyện với bà Lê Thị T3 ở trước cửa nhà bà T4, lúc này bị cáo nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà Nguyễn Hồng T4 tìm tài sản lấy trộm.

Sau đó, bị cáo đi vòng ra phía sau căn nhà, nhìn thấy cửa sau đóng và được khóa bên trong nhưng phía dưới cửa giáp nền nhà có khoảng trống có thể chui vào được nên bị cáo bỏ một bao thuốc lá nhãn hiệu Cửu Long, một bật lửa bằng nhựa, một túi nylon bên trong chứa thuốc lá (loại thuốc lá rê tẩn) tại vị trí cạnh cửa sau rồi chui vào bên trong nhà, đi đến phòng khách rồi đi vào phòng ngủ của bà Nguyễn Hồng T4. Tại đây, bị cáo nhìn thấy trên đầu giường ngủ có một túi xách màu xanh đen, bị cáo mở ngăn kéo ra kiểm tra và phát hiện bên trong có nhiều tiền Việt Nam đồng và nhiều loại tiền ngoại tệ. Bị cáo nhanh chóng lấy tiền cất giấu trong lưng quần đang mặc rồi tẩu thoát theo hướng cửa sau ra ngoài.

Khi có được tiền, bị cáo tham gia chơi game bắn cá tại một tiệm game không rõ bằng hiệu, địa chỉ (chỉ biết tại khu vực thị trấn V) và tiêu xài cá nhân hết 12.650.000 đồng. Số tiền 15.500.000 đồng (tiền Việt Nam đồng) bị cáo cất giấu tại đồng rác cạnh nhà bà Lê Thị X ngụ ấp S (nay là ấp B), xã C, tỉnh Vĩnh Long; tiền ngoại tệ gồm: 01 tờ tiền Nhật Bản mệnh giá 5000 yên, 07 tờ đô la Mỹ mỗi tờ mệnh giá 2 đô la, 01 tờ tiền Nga mệnh giá 5 ruble và 01 tờ tiền mệnh giá 10 ruble, 02 tờ tiền Lào mệnh giá mỗi tờ 20000 kip bị cáo cất giấu tại đồng rác trước nhà ông Lê Văn T2, ngụ ấp S (nay là ấp B), xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, bà Nguyễn Hồng T4 phát hiện tài sản bị mất trộm nhưng do đêm tối, đợi đến sáng ngày 03/4/2026 bà T4 trình báo vụ việc đến Công an và giao nộp một bao thuốc lá nhãn hiệu Cửu Long, một bật lửa bằng nhựa, một túi nylon bên trong chứa thuốc lá (loại thuốc lá rê tẩn) bà tìm được ở cạnh cửa phía sau nhà, nghi do đối tượng trộm cắp bỏ lại.

Ngày 03/4/2026, bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội không thể che giấu được nên đến Công an đầu thú và giao nộp lại số tiền Việt Nam đồng và tiền ngoại tệ đang cất giấu (các bút lục 148-182, 219-223).

Ngày 14/5/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y về tâm thần đối với Lê Công T. Tại kết luận giám định số 240/2026/KLGD ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm G1 kết luận:

- Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và thời điểm hiện nay (thời điểm giám định) Lê Công T có bệnh lý tâm thần. Cụ thể: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71-ICD10).

- Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản và hiện nay (thời điểm giám định) Lê Công T hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Ngày 27/5/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định trưng cầu giám định Tiền ngoại tệ. Tại kết luận giám định số 339/KL-KTHS-KV3 ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Phòng K Công an tỉnh V (khu vực 3) kết luận: 01 (một) tờ tiền Đô la M mệnh giá 2 đô la có số seri là: L22299934A là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2 đô la có số seri E18082619A là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2 đô la có số seri K08958255A là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2 đô la có số seri L28264144A là tiền thật; 01

(một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2 đô la có số seri B33228433A là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2 đô la có số seri L46038011A là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 2 đô la có số seri L15935315A là tiền thật; 01 (một) tờ tiền yên N mệnh giá 5000 yên có số seri: AA191446NM là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Ruble Nga mệnh giá 5 Ruble có số seri Ёb2161093 là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Ruble Nga một tờ mệnh giá 10 Ruble, số sê ri БЯ 5389904 là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Kip Lào mệnh giá 20000 kip có số sê ri AD1719809 là tiền thật; 01 (một) tờ tiền Kip Lào mệnh giá 20000 kip có số sê ri AD1719806 là tiền thật.

- Ngày 18/6/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra yêu cầu định giá tài sản đối với Tiền ngoại tệ. Tại kết luận định giá số 05/KL-HĐĐGTS ngày 18/6/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã C, tỉnh Vĩnh Long kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 02/4/2026) 14 Đô la Mỹ quy đổi thành tiền Việt Nam là 360.220 đồng; 15 Ruble Nga quy đổi thành T6 là 4.800 đồng; 40000 Kip Lào quy đổi thành Tiền Việt Nam là 48.400 đồng; 5000 Yên Nhật quy đổi thành Tiền Việt Nam là 797.500 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 1.210.920 đồng (các bút lục 13-19, 45-50)

- Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tạm giữ:

+ Tiền Việt Nam 15.500.000 đồng, loại polyme, số lượng 31 tờ, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng, số sê ri mỗi tờ lần lượt là: QR 20126749, RQ 21843177, HL 16207332, IM 17609028, FQ 20773463, AI 18849160, DM 18390006, IQ 14061827, KX 16212501, TP B, SY 19558563, DV 16786550, IM 17457907, CM 10065286, GK 19046770, PQ 19800431, UJ 15087517, RY 16615616, VX 17370410, MF 21018855, FI 21284005, PT 11124456, SE 18614389, GA 10813896, FD 20468460, AK 18480551, CU 17760241, PA 17184875, JT 18210500, WN 17457808, DJ 15625411.

+ Tiền ngoại tệ: tiền đô la Mỹ, số lượng 07 tờ, mỗi tờ mệnh giá 2 đô la, các tờ đô la có số seri lần lượt là: L22299934A, E18082619A, K08958255A, L28264144A, B33228433A, L46038011A, L15935315A; Tiền N, số lượng 01 tờ mệnh giá 5000 yên, số seri: A191446NM; Tiền N, số lượng 02 tờ, trong đó một tờ mệnh giá 5 Ruble số seri eb2161093, một tờ mệnh giá 10 Ruble, số sê ri бR 5389904; Tiền Lào, số lượng 02 tờ, mỗi tờ mệnh giá 20000 kip, các tờ có số sê ri lần lượt là: AD1719809, AD1719806.

Ngày 23/6/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng đối với toàn bộ tiền Việt Nam đồng và tiền ngoại tệ bằng hình thức trao trả cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Hồng T4 nhận xong (bút lục 20-23, 130-131).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Hồng T4 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.650.000 đồng nên không xem xét, giải quyết.

Đối với ông Lê Văn T2, bà Lê Thị X: Việc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và cất giấu tiền tại vị trí đồng rác nhà ông, bà thì ông, bà hoàn toàn không hay biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V không truy cứu trách nhiệm hình sự ông T2, bà X là có căn cứ.

Tại Cáo trạng số: 21/CT- VKSVLG-KV, ngày 19/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long quyết định truy tố bị cáo Lê Công T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Công T khai nhận: Hành vi của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng và thống nhất quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng T4; ông Lê Văn T2 và chị Lê Thị X đều vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên bà Đinh Thị Mộng C đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật được nêu trong bản Cáo trạng.

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Công T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 12.650.000 đồng bà T4 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng, buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- *Luật sư Trần Anh T1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo:* Thống nhất bản Cáo trạng số: 21/CT-VKSVLG-KV, ngày 19/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Lê Công T về tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng. Luật sư không bào chữa về tội danh và khung hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi vì trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo là người bị hạn chế về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; bị cáo đầu thú; người thân bị cáo có công cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố. Ngoài ra không ý kiến gì khác.

Bị cáo Lê Công T nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Hồng T4 là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Công T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng bản Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo tại

Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 21 giờ ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại nhà của bà Nguyễn Hồng T4 ngụ ấp S (nay là ấp B), xã C, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Lê Công T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của bà Nguyễn Hồng T4 bằng đường cửa sau và lấy trộm tiền Việt Nam đồng, tiền ngoại tệ của bà T4 để trong túi xách màu xanh đen trên giường ngủ. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt số tiền 29.360.920 đồng (Hai mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, chín trăm hai mươi đồng).

Ngày 14/5/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y về tâm thần đối với Lê Công T. Tại kết luận giám định số 240/2026/KLGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm G1 kết luận:

- Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản và thời điểm hiện nay (thời điểm giám định) Lê Công T có bệnh lý tâm thần. Cụ thể: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng rượu (F10.71-ICD10).

- Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản và hiện nay (thời điểm giám định) Lê Công T hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Công T khai nhận đã trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Hồng T4 số tiền nêu trên là đúng sự thật. Xét thấy hành vi của bị cáo Lê Công T đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Xét về tiền án:

- Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 12/2018/HS-ST, ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Lê Công T 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 04/10/2018.

- Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST, ngày 21/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt bị cáo Lê Công T 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bản án có áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 11/8/2020.

- Tại Bản án Hình sự phúc thẩm số 14/2022/HS-PT, ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Lê Công T 03 năm tù về tội Đánh bạc. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 08/11/2023.

Xét thấy bị cáo Lê Công T tiền án vẫn còn, chưa được xóa án tích thì lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nêu trên là thuộc trường hợp Tái phạm nguy hiểm.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và

hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo hộ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải thông qua lao động mà có được, bị cáo đã lén lút giữa đêm tối đột nhập vào nhà của bà Nguyễn Hồng T4 trộm cắp số tiền 29.360.920 đồng, từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo là người bị hạn chế về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; bị cáo đầu thú; thân nhân bị cáo có công cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo trộm cắp tài sản là tiền của bị hại mục đích tiêu xài cá nhân là hành vi đáng lên án, gây ra sự bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Xét về nhân thân bị cáo có 01 tiền án, 02 án tích và 01 tiền sự nhưng bị cáo không biết tự khắc phục chấm dứt hành vi sai trái của mình, để làm người công dân tốt, sống lương thiện, chấp hành nghiêm quy định pháp luật, không vi phạm, bị cáo không làm được việc này, tiền án, tiền sự vẫn còn chưa được xóa, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Tại các biên bản ghi lời khai, bị hại bà Nguyễn Hồng T4 không yêu cầu bị cáo bồi thường trả lại số tiền 12.650.000 đồng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với một túi xách màu xanh đen, loại có quai cầm, kích thước 25cm x 19cm, đã qua sử dụng là của bị hại bà Nguyễn Hồng T4, bị Công an thu giữ để phục vụ điều tra vụ án. Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bà Nguyễn Hồng T4.

- Đối với một bao thuốc lá, nhãn hiệu Cửu long, kích thước 06cm x 09cm, bên trong chứa 19 điếu thuốc lá; một túi nilon kích thước 15cm x 18cm, bên trong chứa thuốc lá, trên túi nilon có dòng chữ số 5D MASK, đã qua sử dụng; một bậc lửa bằng nhựa màu xanh, kích thước 02cm x 05cm, trên bậc lửa có dòng chữ TANAKA LONG HOA CO, LTD, đã qua sử dụng, là của bị cáo, xét thấy các tài sản này không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

[4]. Về án phí hình sự: Buộc bị cáo Lê Công T nộp 200.000 đồng.

[5]. Xét lời của Luật sư Trần Anh T1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo Lê Công T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Công T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 03 tháng 4 năm 2026.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

T5 tịch thi tiêu hủy:

- Một bao thuốc lá, nhãn hiệu Cửu long, kích thước 06cm x 09cm, bên trong chứa 19 điếu thuốc lá.

- Một túi nilon kích thước 15cm x 18cm, bên trong chứa thuốc lá, trên túi nilon có dòng chữ số 5D MASK, đã qua sử dụng.

- Một bậc lửa bằng nhựa màu xanh, kích thước 02cm x 05cm, trên bậc lửa có dòng chữ TANAKA LONG HOA CO, LTD, đã qua sử dụng.

T5 trả cho bà Nguyễn Hồng T4: Một túi xách màu xanh đen, loại có quai cầm, kích thước 25cm x 19cm, đã qua sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Công T nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, Luật sư có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSNDKV11 – Vĩnh Long;
- Phân trại tạm giam An Trường - Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm